

Bản án số: 163/2023/DS-PT
Ngày 14 tháng 7 năm 2023
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thuận Tùng
- Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Sơn và bà Trần Thị Thúy Hà
- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Thị Ngọc Hạnh là Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Đỗ Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 192/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 79/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1949

Địa chỉ: số 164/7A, tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D: Ông Lý Hoàng T1, sinh năm 1974. Địa chỉ: số 339, tổ 20, ấp Tây B, xã Vĩnh C, huyện T, tỉnh An Giang đại diện theo ủy quyền được Phòng công chứng Huỳnh Minh Hoàng chứng thực, số chứng thực 111, quyền số 01SCT/CK,ĐC ngày 10/8/2018.

1.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1940 chết ngày 13/5/2022

+ Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C, gồm:

1.2.1. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1970. Địa chỉ: số 468/11, khóm Tây Khánh 4, phường Mỹ Hoà, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.2.2. Bà Nguyễn Thị Thu N1, sinh năm 1972. Địa chỉ: số 164/7A, khóm Tây Khánh 8, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.2.3. Ông Nguyễn Trọng N22, sinh năm 1973. Địa chỉ: số 164/7A, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.2.4. Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1974. Địa chỉ: số 164/7B, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.2.5. Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1975. Địa chỉ: số 164/7A, khóm Tây

Kh, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.2.6. Ông Nguyễn Văn Thành T1 (Nguyễn Thành T1), sinh năm 1977. Địa chỉ: số 164/7A, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.2.7. Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1980; địa chỉ: số 164/7A, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.2.8. Bà Nguyễn Thị Bích T3, sinh năm 1985. Địa chỉ: số 151/42, hẻm tỉnh lộ 943, tổ 14A, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.2.9. Bà Nguyễn Thị Kim Q2, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 509/3, đường rạch L, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim Q: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1954. Địa chỉ số 319A/16, khóm Bình K, phường Bình K, thành phố L, tỉnh An Giang, đại diện theo ủy quyền được Phòng công chứng Huỳnh Minh H chứng thực, số chứng thực 226, quyền số 01/2023-SCT/CK,ĐC ngày 30/3/2023.

1.2.10. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1992. Địa chỉ: số 164/7A, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang; là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

1.2.11. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1949. Địa chỉ: số 164/7A, tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Đồng Văn M, sinh năm 1931.

Địa chỉ: số 166/7 tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

2.1. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

2.1.1. Bà Đồng Thị H3, sinh năm 1956. Địa chỉ: số 10B2, khóm Đông H, phường Đông X, thành phố L, tỉnh An Giang đại diện theo giấy ủy quyền được Phòng công chứng L chứng nhận, số công chứng 365, quyền số 07TP/CC-HĐGD ngày 14/7/2015.

2.2. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị đơn:* Ông Trần Tiến V Luật sư của Văn phòng luật sư Tiến V thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ văn phòng luật sư số 595/15, đường Hà Hoàng Hổ, phường Đông X, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1929. địa chỉ: Số 166/7 tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Dúng:*

3.1.1. Bà Đồng Thị H3, sinh năm 1956. Địa chỉ: số 10B2, khóm Đông H, phường Đông X, thành phố L, tỉnh An Giang đại diện theo giấy ủy quyền được Phòng công chứng L chứng nhận, số công chứng 365, quyền số 07TP/CC-HĐGD ngày 14/7/2015.

3.2. Bà Đồng Thị Thanh T4, sinh năm 1977. Địa chỉ: số 172/7A, tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Lê Quang T5, sinh năm 1977. Địa chỉ: số 172/7 A tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị Thanh T2, ông Lê Quang Trung:*

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1972. Địa chỉ: tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.5. Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1975. Địa chỉ: tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.6. Bà Nguyễn Thị Bích T3, sinh năm 1983. địa chỉ: tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu N1, ông Nguyễn Thành S, bà Nguyễn Thị Bích T3: Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 509/3, đường cặp Rạch L, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang đại diện theo giấy ủy quyền được Phòng công chứng Mỹ L chứng nhận, số công chứng 1439, quyền số 04.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/8/2015.*

3.7. Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1970. Địa chỉ: số 164/7B, tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.8. Bà Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1974. Địa chỉ: số 164/7B, tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.9. Ông Nguyễn Trọng Nghĩa, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.10. Ông Nguyễn Văn Thành T6 (Nguyễn Thành T6), sinh năm 1977. Địa chỉ: tổ 07, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.11. Bà Nguyễn Thị Kim Q1, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 509/3, đường rạch L, khóm Tây K, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.12. Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Hoa R - Chủ tịch

Địa chỉ: số 99, đường Nguyễn Thái Học nối dài, phường Mỹ H, thành phố L, tỉnh An Giang (Có văn bản yêu cầu vắng mặt).

Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn có mặt ông T1, ông Đ; bị đơn có mặt bà H1 và Luật sư V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm:

* *Nguyên đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, lời khai, các văn bản trình bày ý kiến cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện nội dung:* Ngày 03/02/1996, ông Nguyễn Văn C có chuyển nhượng cho ông Đồng Văn M diện tích đất 115,2m² (ngang mặt trước 6,4m, ngang mặt sau 6m, chiều dài 18m), đất tọa lạc phường Mỹ Hòa, thành phố L, tỉnh An Giang, với giá 20 chỉ vàng 24k (loại vàng 95%), hai bên có lập “Tờ sang nhượng đất nền nhà đề ngày 03/02/1996”.

Cùng ngày 03/02/1996, ông C viết giấy nhận 15 chỉ vàng 24k do ông M giao trả, thỏa thuận khi ông C di dời căn nhà thì ông M sẽ trả đủ 05 chỉ 24k còn lại. Đến ngày 04/12/1996, ông C giao đất cho ông M và có nhận thêm 05 chỉ vàng. Tổng

cộng ông C đã nhận đủ 20 chỉ vàng 24k theo thỏa thuận chuyển nhượng giữa hai bên.

Năm 1999, ông M kê khai xin cấp giấy đất thì được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M với diện tích đất 141,1m², ông C không hay biết sự việc này.

Đến năm 2014, gia đình ông M và gia đình ông C có tranh chấp lỗi đi thì ông C mới biết ông M được cấp diện tích đất nhiều hơn so với diện tích đất hai bên thỏa thuận chuyển nhượng tại “Tờ thỏa thuận chuyển nhượng lập ngày 03/02/1996”.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C và người đại diện hợp pháp của bà D chỉ thống nhất với đơn xin cấp giấy quyền sử dụng đất do ông M kê ngày 29/01/1999, với diện tích đất 115,2m².

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C và người đại diện hợp pháp của bà D không thống nhất quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/4/1999, với diện tích đất 141,1m² và không thống nhất hồ sơ kỹ thuật đất ngày 31/3/1999.

Tại phiên tòa, bà D và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C yêu cầu ông Đồng Văn M và bà Nguyễn Thị Dúng phải trả lại giá trị đối với diện tích đất nhiều hơn so với thỏa thuận chuyển nhượng diện tích 25,8m² theo giá 20.618.000đ/m², thành tiền 531.944.400 đồng; rút lại yêu cầu đòi lại diện tích đất 25,8m²; rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Đồng Văn M.

Căn cứ đề bà D và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C yêu cầu giá trị đất 20.618.000đ/m² là chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á ngày 18/5/2022.

** Bị đơn do bà Đồng Thị H1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa thể hiện nội dung:* Thống nhất với ý kiến trình bày của ông C về việc ông M có nhận chuyển nhượng đất của ông C với diện tích đất 115,2 m², vị trí khu đất tọa lạc phường Mỹ Hòa, thành phố L, tỉnh An Giang, với giá chuyển nhượng 20 chỉ vàng 24k (loại vàng 95%).

Khi ông C di dời nhà giao đất cho ông M sử dụng, các bên có đo đạc lại thì phần diện tích đất có dư so với thỏa thuận ban đầu. Ngày 04/12/1996, ông C đồng ý chuyển nhượng thêm phần đất dư cho ông M với giá 02 chỉ vàng 24k. Như vậy, tổng cộng số vàng ông M nhận chuyển nhượng diện tích đất này là 22 chỉ vàng 24k (loại vàng 95%). Ngày 04/12/1996, ông C đã nhận đủ 22 chỉ vàng 24k và có viết nhận cho ông M.

Năm 1999, ông M kê khai xin cấp quyền sử dụng đất thì ông C có ký tên vào “Biên bản đo đạc xác định chu vi, mốc giới, kích thước, hình thể khu đất, ranh giới sử dụng đất lập ngày 03/3/1999”. Như vậy, ông C đồng ý với việc ông M xin cấp quyền sử dụng đất theo hiện trạng thực tế.

Đến năm 2000, ông C kê khai xin cấp quyền sử dụng đất thì ông M cũng có ký tên vào “Biên bản mốc ranh xác nhận ranh đất cho ông C”. Từ đó đến nay mỗi bên sử dụng ổn định phần đất của mình không phát sinh tranh chấp.

Năm 2012, ông M xin giấy phép xây dựng nhà ở, ông C ở liền kề với nhà ông M nhưng ông C không có ý kiến phản đối nên ông M đã cất nhà ở ổn định đến nay.

Năm 2014, do gia đình ông M và gia đình ông C có tranh chấp lối đi, cụ thể gia đình ông C không cho con của ông M sử dụng lối đi chung nên các bên mới xảy ra tranh chấp và ông C làm đơn khởi kiện ông M yêu cầu trả lại diện tích 25,8m².

Nay, ông Đồng Văn M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trả lại đất cũng như không đồng ý trả lại giá trị đất theo yêu cầu khởi kiện của bà D, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C theo giá tại chứng thư thẩm định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá Trị Việt ngày 02/8/2022, đất có giá trị 13.168.000 đồng. Không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông M, vì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Xin rút lại yêu cầu phản tố về việc tranh chấp lối đi chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C, gồm: bà Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu N1, Nguyễn Trọng N2, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Thành S, Nguyễn Văn Thành T1 (Nguyễn Thành T1), Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Thị Kim Q, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị Kim D đối với yêu cầu đòi quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01973 QSDĐ/gA ngày 23/4/1999 do Ủy ban nhân dân thành phố L đã cấp đối với ông Đồng Văn M.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Đồng Văn M về việc tranh chấp lối đi chung với ông Nguyễn Văn C.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C, gồm: bà Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu N1, Nguyễn Trọng N2, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Thành S, Nguyễn Văn Thành T1 (Nguyễn Thành T1), Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Thị Kim Q, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị Kim D) về việc yêu cầu ông Đồng Văn M trả lại giá trị của quyền sử dụng đất diện tích 25,8m² là 531.944.400 đồng.

Ngoài ra còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022 nguyên đơn Nguyễn Thị Kim D kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu Hội đồng xét xử tạo điều kiện để hai bên thương lượng việc bồi hoàn giá trị. Phía nguyên đơn đồng ý giá bồi hoàn mỗi mét vuông là 12.000.000 đồng, với diện tích 19,1m² thành tiền là 229.200.000 đồng.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận: bị đơn giao cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng. Đôi bên không tranh chấp quyền sử dụng đất với nhau nữa.

Đại diện nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền lợi bị đơn đều thống nhất theo thỏa thuận giữa đôi bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- *Về tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- *Về nội dung*: Tại phiên tòa phúc thẩm giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án trên cơ sở tự nguyện không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của bị đơn đồng ý hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng. Về án phí mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả ý kiến trình bày thỏa thuận của đôi bên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông Lý Hoàng T1 đại diện nguyên đơn nộp đơn kháng cáo, nộp đơn xin miễn tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự gồm đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn, Luật sư bảo vệ quyền lợi bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; những người đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án như sau: Đại diện bị đơn đồng ý hỗ trợ nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng, phía nguyên đơn đồng ý nhận tiền, đồng thời không yêu cầu giải quyết tranh chấp nào khác. Xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300; điểm b khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí giám định, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại phiên tòa phúc thẩm các bên không yêu cầu nên giữ nguyên như án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do hòa giải thành tại phiên tòa nên án phí dân sự sơ thẩm mỗi bên phải chịu bằng $\frac{1}{2}$ án phí số tiền là 875.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố L.

[1] Công nhận sự thỏa thuận của đại diện bị đơn Đồng Văn M là bà Đồng Thị Hoa hỗ trợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 70.000.000 đồng.

[2] Về chi phí giám định, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Kim D và kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C gồm các ông, bà Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu N1, Nguyễn Trọng N2, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Thành S, Nguyễn Văn Thành T1 (Nguyễn Thành T1), Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Thị Kim Q có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đồng Văn M chi phí giám định 3.600.000 đồng và chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 3.500.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn, mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D; bị đơn ông Đồng Văn M và đại diện ông M bà Đồng Thị Hoa là người cao tuổi thuộc trường hợp không phải chịu án phí.

- Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C: các ông, bà Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thu N1, Nguyễn Trọng N2, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Thành S, Nguyễn Văn Thành T1 (Nguyễn Thành T1), Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Thị Kim Q có trách nhiệm liên đới nộp 437.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.500.000 đồng mà ông C, bà D đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2014/0002323 ngày 16/01/2015 và số TU/2015/0010761 ngày 17/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang, được nhận lại số tiền 6.062.500 đồng.

- Ông Đồng Văn M được nhận lại số tiền 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003022 ngày 21/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS Tp L;
- TAND Tp L
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thuận Tùng